

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/DS-ST

Ngày: 24-01-2022

V/v Đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Linh.

2. Ông Thái Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Vương Lệ Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2021 về việc “Đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A; Địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T – chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Trần Ngọc Trâm A; Địa chỉ: Lầu 8, tòa nhà A, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 1466/UQ-QLN.21 ngày 20-10-2021) “có mặt”.

2. Bị đơn: Anh Lý Hùng T, sinh năm: 1986; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C,

tỉnh Tây Ninh. “có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 16-7-2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn- Ngân hàng Thương mại cổ phần A - trình bày:***

Ngày 06-7-2011, Ngân hàng Thương mại cổ phần A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng A) cấp tín dụng cho anh Lý Hùng T với hạn mức 70.000.000 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ ký ngày 28-06-2011, loại thẻ Master Card Gold, hiệu lực thẻ đến tháng 7-2014, mục đích vay tiêu dùng, cấp tín dụng theo hình thức tín chấp, lãi suất thỏa thuận theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A (cụ thể: lãi suất trong hạn do Ngân hàng quy định tương ứng từng thời điểm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn).

Tuy nhiên, do anh T không thanh toán 04 kỳ liên tục kể từ ngày vay, nên căn cứ bản điều khoản điều kiện sử dụng thẻ, Ngân hàng A chuyển toàn bộ số nợ của anh T sang nợ quá hạn. Cụ thể, ngày 02-12-2011, Ngân hàng chuyển nợ gốc, nợ lãi trong hạn, phí phạt chậm trả...(toàn bộ dư nợ) sang nợ quá hạn tổng cộng là 76.572.470 đồng.

Ngày 03-12-2011, Ngân hàng A thông báo chuyển nợ quá hạn và thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của anh T. Ngày 04-01-2012, Ngân hàng A ra Thông báo chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn.

Ngày 07-3-2012, Ngân hàng A có đơn khởi kiện anh T tại Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 23-8-2012, Tòa án nhân dân quận T ra Thông báo yêu cầu cung cấp địa chỉ khác của anh T ngoài địa chỉ 36B Đỗ Nhuận, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do Ngân hàng A không cung cấp địa chỉ khác nên đến ngày 18-9-2012, Tòa án nhân dân quận T có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Đến tháng 7-2020, Ngân hàng A khởi kiện lại vì trong khoảng thời gian từ tháng 9-2012 đến tháng 7-2020, Ngân hàng A chưa xác định được nơi cư trú mới của khách hàng Lý Hùng T.

Nay, Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Lý Hùng T trả số tiền nợ gốc là 76.572.470 đồng và tiền lãi quá hạn tính từ ngày 02-12-2011 tạm tính đến ngày 24-01-2022 là 320.403.672 đồng, tổng cộng là 396.976.142 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên

thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ và bản điều khoản điều kiện kể từ ngày 25-01-2022 đến ngày anh Lý Hùng T trả dứt nợ, theo thứ tự vốn gốc, lãi quá hạn.

(Mức lãi suất quá hạn được áp dụng: từ ngày 14-11-2011: 38,7%/năm; từ ngày 12-6-2017: 43,5%/năm; từ ngày 01/01/2018: 43,5% (một năm = 365 ngày)).

**** Bị đơn – anh Lý Hùng T – trình bày:***

Anh xác định có làm thủ tục đề nghị cấp thẻ tín dụng hạn mức 70.000.000 đồng đúng như Ngân hàng A trình bày. Thời điểm làm hồ sơ cấp tín dụng, anh có làm giấy xác nhận đang tạm trú ở 36B, Đỗ Nhuận, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và cung cấp địa chỉ thường trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Thực tế anh không cư trú tại 36B, Đỗ Nhuận, Phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Anh làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh nên thường xuyên thay đổi nơi tạm trú, tuy nhiên, nơi thường trú của anh ở ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh từ trước đến nay là không thay đổi.

Vào năm 2012, anh không biết Ngân hàng A đã khởi kiện anh tại Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Anh không nhận được các thông báo của Ngân hàng về việc giải quyết khoản vay này.

Anh xác định anh tự nguyện khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp tín dụng tại Ngân hàng A.

Cho đến hiện tại, anh xác định chưa thanh toán được bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng A, vẫn còn nợ Ngân hàng A khoản vay gốc 70.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này nhưng được trả dần hàng tháng. Anh không đồng ý thanh toán nợ lãi vì tiền lãi tính từ năm 2012 cho đến nay là quá nhiều, anh không có khả năng chi trả.

Ngày 24-12-2021, anh Lý Hùng T có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đều đã tuân thủ theo đúng quy định. Về nội dung: Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH; đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lý Hùng T có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 76.572.470 đồng cho Ngân hàng thương mại cổ phần A; Đình chỉ đối với yêu cầu buộc anh T trả lãi quá hạn và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thoả thuận. Anh T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 06-7-2011, Ngân hàng A cấp tín dụng cho anh Lý Hùng T theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ký ngày 28-06-2011. Ngày 05-8-2011, anh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng A, hai bên không cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Như vậy, căn cứ Điều 154 Bộ luật Dân sự và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A, thời điểm xác định vi phạm nghĩa vụ là ngày 05-8-2011.

Năm 2012, Ngân hàng A đã khởi kiện anh T tại Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (với cùng nội dung tranh chấp như trong vụ án này). Trong hồ sơ cấp thẻ tín dụng thể hiện địa chỉ thường trú của anh T tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có hộ khẩu phô tô kèm theo). Tuy nhiên, trong đơn khởi kiện, Ngân hàng A chỉ cung cấp địa chỉ tạm trú của anh T và sau khi nhận Thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ ngày 23-8-2012, Ngân hàng cũng không cung cấp địa chỉ thường trú của anh T cho Tòa án và đồng ý với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 391/2011/QĐST-DS ngày 18-9-2012 của Tòa án nhân dân quận T. Thực tế, địa chỉ thường trú của anh T tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh là hoàn toàn ổn định, không thay đổi.

Xét thấy, việc Ngân hàng A không cung cấp địa chỉ thường trú của bị đơn dù có thông tin, tài liệu cụ thể dẫn đến vụ án bị đình chỉ giải quyết là lỗi của phía Ngân hàng và không thuộc trường hợp quy định tại Điều 156 Bộ luật Dân sự để được không tính vào thời hiệu khởi kiện. Do đó, căn cứ vào các Điều 149, 150, 429 Bộ luật Dân sự 2015, Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự, tính từ thời điểm anh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho đến thời điểm Ngân hàng A khởi kiện lại (ngày 16-7-2020) thì thời hiệu khởi kiện 03 năm đã hết. Đồng thời, ngày

24-12-2021, anh T có đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện. Do đó, Ngân hàng A chỉ còn quyền yêu cầu giải quyết đối với số tiền nợ gốc theo quy định tại Điều 155 Bộ luật Dân sự 2015.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào các Điều 155, 166 Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Đòi tài sản”.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc yêu cầu anh Lý Hùng T thanh toán nợ gốc theo hợp đồng thẻ tín dụng:

Ngân hàng A cung cấp hồ sơ đề nghị cấp thẻ tín dụng gồm Giấy đề nghị cấp thẻ và chứng từ xác minh nơi cư trú của anh Lý Hùng T. Ngân hàng A và anh T thống nhất xác định anh Thanh được Ngân hàng A cấp thẻ tín dụng với hạn mức 70.000.000 đồng vào ngày 06-7-2011, hiệu lực thẻ đến tháng 7-2014, loại thẻ Master Card Gold, mục đích vay tiêu dùng, cấp tín dụng theo hình thức tín chấp, lãi suất trong hạn do Ngân hàng quy định tương ứng từng thời điểm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, các bên tuân thủ Bản các Điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A.

Do anh T không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng A theo Thông báo giao dịch hàng tháng nên ngày 02-12-2011, Ngân hàng A chuyển toàn bộ số nợ còn thiếu là 76.572.470 đồng sang nợ quá hạn là phù hợp Bản các Điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A.

Anh T xác định hiện vẫn chưa thanh toán được cho Ngân hàng A bất kỳ khoản tiền nào. Do đó, Ngân hàng A yêu cầu anh T thanh toán nợ gốc 76.572.470 đồng là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu thanh toán nợ lãi của Ngân hàng A đối với anh Lý Hùng T: Do thời hiệu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đã hết và anh T có đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên căn cứ Điều 149 Bộ luật Dân sự, điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu giải quyết nợ lãi của Ngân hàng A.

[2.3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh: phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A được Hội đồng xét xử chấp nhận nên anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5% trên số tiền phải trả theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí. Ngân hàng A được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 3 Điều 218 BLTTDS và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 184, 217, 218, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 149, 155, 166, 429, 688 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 91, 98 Luật Các tổ chức tín dụng 2010;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A đối với anh Lý Hùng T về việc “Đòi tài sản”.

Buộc anh Lý Hùng T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền 76.572.470 đồng (bảy mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm bảy mươi đồng).

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu trả tiền nợ lãi của Ngân hàng Thương mại cổ phần A đối với anh Lý Hùng T.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Lý Hùng T phải chịu 3.828.623 đồng (ba triệu tám trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm hai mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.455.156 đồng (tám triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn một trăm năm mươi sáu đồng) theo biên lai thu tiền số 0070975 ngày 02-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Quyên

